TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 103/2019/DS-PT
Ngày: 10 - 4 - 2019
V/v Đòi tài sản và chia di sản thừa kế.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Miễn
Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hải Hà
Ông Hồ Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ân Tình là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau:*** Ông Trương Minh Bạch - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 306/2018/TLPT- DS ngày 24 tháng 12 năm 2018 về Đòi tài sản và chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2018/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Năm Căn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 62/2018/QĐ - PT ngày 18 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* + Chị H, sinh năm 1963
+ Chị L, sinh năm 1978
Nơi cư trú: huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.
+ Anh C, sinh năm 1964
Nơi cư trú: huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.
+ Chị T, sinh năm 1981
Nơi cư trú: huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.
+ Anh I, sinh năm 1982
Nơi cư trú: huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.
+ Chị P, sinh năm 1984
Nơi cư trú: huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

+ Chị U, sinh năm 1986

Nơi cư trú: huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau; chổ ở hiện nay: thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của chị H, chị L, anh C, chị T, anh I, chị P: Chị U, sinh năm 1986; Nơi cư trú: huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 30/08/2017).

- *Bị đơn:* Anh K, sinh năm 1997; Nơi cư trú: huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Chị Th, sinh năm 1979

+ Chị Ph, sinh năm 2000

Nơi cư trú: huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

+ V - sinh năm 2002, D - sinh năm 2005, N - sinh năm 2007, Anh Tr, sinh năm 1981; Nơi cư trú: huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau. Anh Tr là người đại diện theo pháp luật cho V, D, N.

Người đại diện hợp pháp của anh Tr: Chị U, sinh năm 1986; Giấy CMND 381333574 Nơi cư trú: huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 25/7/2018).

Chị U, anh K có mặt; chị Th, chị Ph vắng mặt.

Người kháng cáo: Anh K là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Cụ Phan và cụ Lê có chung 09 người con gồm: H, C, L, T, I, P, U, Phan Văn Ng (chết ngày 08/6/2014), M (chết ngày 28/10/2015). Sinh thời, cụ Phan và cụ Lê có phần đất 46.609,7m^2 (BL.141) và phần đất 3,6ha cùng tọa lạc tại huyện Năm Căn. Cụ Lê chết ngày 26/02/2005, cụ Phan chết ngày 27/3/2011, đều không để lại di chúc.

Phần đất 46.609,7m^2 chị U đang sử dụng ½ với diện tích 25.106,5m^2; còn lại ½ với diện tích 21.503,2m^2 K đang sử dụng. K và chị Th cho rằng: Năm 1997, Ng kết hôn với Th, năm 2000 được cụ Phan và cụ Lê cho 21.503,2m^2 đất này và sản xuất đến ngày 08/6/2014 Ng chết nên K (K là con đẽ anh Ng và chị Th) và chị Th tiếp tục quản lý sử dụng, hiện nay chị Th giao cho K sử dụng.

Đơn khởi kiện ngày 16/6/2017 (BL. 58) nguyên đơn H, C, L, T, I, P, U cho rằng phần đất 21.503,2m^2 này không có cho vợ chồng Ng, đây là di sản của cụ Phan và cụ Lê để lại, yêu cầu K phải giao lại cho các nguyên đơn sử dụng.

Tại phiên hòa giải ngày 30/7/2018 chị U yêu cầu K giao trả lại 21.503,2m^2 đất để nhập với phần đất 25.106,5m^2 chị đang sử dụng để chia đều ra cho 09 người con; 08 phần giao cho chị đứng tên còn 01 phần của anh Ng giao cho K. K không đồng ý giao lại đất; đồng thời cho rằng, trường hợp phải phân chia thì phải chia tất cả tài sản cụ Phan và cụ Lê để lại gồm phần đất 46.609,7m^2 do K và U đang sử dụng và phần đất 3,6ha anh I đang sử dụng (BL: 229, 230).

Ngày 08/10/2018, K có Đơn rút yêu cầu chia di sản thừa kế đối với hai phần đất của cụ Phan và cụ Lê (BL.256, 259).

Từ nội dung trên, bản án sơ thẩm số 24/2018/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 649, Điều 650, Điều 651- Bộ luật dân sự; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H, chị L, anh C, chị Tr, anh I, chị P, chị U về việc đòi lại quyền sử dụng đất đối với K và chia di sản thừa kế của cụ Phan, cụ Lê để lại.

- Buộc K giao trả phần đất nuôi trồng thủy sản tọa lạc tại thị trấn Năm Căn diện tích 21.391,7 m^2 (diện tích đo đạc 21.503,2m^2, trừ diện tích nhà K 95,7m^2, diện tích mộ của Ng 11,8m^2, diện tích giếng nước ngầm 04m^2).

- Chị U được quản lý, sử dụng và sở hữu: Hai thửa đất có tổng diện tích 46.498,3m^2 (21.391,7m^2 + 25.106,5m^2), chị U hiện đang quản lý một thửa, K hiện đang quản lý một thửa; đất tại thị trấn Năm Căn thuộc thửa số 165, 170 tờ bản đồ số 41 (có bảng vẽ kèm theo); cây đước, lá dừa nước, hai cống xổ vuông có trên hai thửa đất.

- Buộc chị U có trách nhiệm giao cho chị H, chị L, anh C, chị T, anh I, chị P, hàng thừa kế của Ng (gồm Th, K, Ph), hàng thừa kế của M (gồm Tr, V, D, N) mỗi kỹ phần là 238.973.388đ.

- Buộc chị U có trách nhiệm giao trả giá trị cống xổ vuông, cây đước, lá dừa nước cho gia đình K là 30.078.880đ, tổng cộng chị U phải giao 269.052.200đ cho hàng thừa kế của Ng, K đại diện nhận.

Đối với căn nhà và diện tích đất xây nhà 95,7m^2 (được tính đất ở nông thôn) của K, giếng nước ngầm diện tích 04m^2(được tính đất NTTS) của K có trên thửa đất K được quyền quản lý sử dụng diện tích đất trên, mộ của Ng diện tích 11,8m^2 được phép tồn tại trên thửa đất không phải di dời.

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá là 11.433.000đ, các đương sự cùng có nghĩa vụ chịu, mỗi người chịu 1.270.000đ, chị U đại diện cho các nguyên đơn nộp 11.433.000đ, K, anh Tr mỗi người có trách nhiệm nộp lại 1.270.000đ, nộp để trả cho các nguyên đơn số tiền trên. Các nguyên đơn được nhận lại tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá do K, anh Tr nộp trả tổng cộng là 2.540.000đ, chị U đại diện nhận.

- Án phí: Các đương sự phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần di sản được hưởng và nghĩa vụ phải thực hiện, Cụ thể: Chị H, chị L, anh C, chị Tr, anh I, chị P, K (hàng thừa kế của Ng), anh Tr (hàng thừa kế của M đồng thời là người giám hộ cho V, D, N nên có nghĩa vụ nộp phần án phí này) mỗi người phải chịu án phí 11.948.600đ.

Chị U phải chịu án phí đối với phần di sản được nhận và phần thực hiện nghĩa vụ, tổng cộng là 13.452.500đ, được trừ phần tạm ứng án phí đã nộp 16.000.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015525 ngày 11/7/2017, chị U được nhận lại 2.547.500đ.

Ngày 26/11/2018 anh K nộp đơn kháng cáo (Đơn kháng cáo đề ngày 26/11/2018) yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu đòi lại đất của nguyên đơn hoặc buộc nguyên đơn trả tăng thêm tiền đầu tư cải tạo 35.100.000đ.

Tại phiên tòa, K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về trình tự thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử, đương sự đã tuân thủ và thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm dân sự số 24/2018/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn; chuyển hồ sơ vụ án về cho Toà án nhân dân huyện Năm Căn giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm do có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự trong việc thu thập đánh giá chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn khởi kiện ngày 16/6/2017 (BL. 58) và lời khai ngày 18/8/2017 của chị U (BL.77), các nguyên đơn H, C, L, Tr, I, P cho rằng: Phần đất 21.503,2m^2 anh K đang sử dụng là di sản của cụ Phan và cụ Lê, chưa cho vợ chồng Ng, yêu cầu K phải giao trả lại. K và chị Th cho rằng, phần đất này cụ Phan và cụ Lê đã cho vợ chồng chị Th (BL. 94-95,73, 106). Như vậy, yêu cầu này của nguyên đơn được xác định là khởi kiện Đòi tài sản (quyền sử dụng đất) chứ không phải tranh chấp quyền sử dụng đất như án sơ thẩm xác định.

[2] Xét phạm vi yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn: Đơn khởi kiện ngày 16/6/2017, các nguyên đơn chỉ khởi kiện đòi lại đất và Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng với yêu cầu của nguyên đơn là khởi kiện yêu cầu bị đơn giao trả lại 21.503,2m^2 đất đang sử dụng.

Nhưng tại phiên hòa giải ngày 30/7/2018 và ngày 30/8/2018 chị U là người đại diện theo uỷ quyền của các nguyên đơn ngoài việc yêu cầu K giao trả lại 21.503,2m^2 đất thì bổ sung thêm yêu cầu là lấy phần đất 21.503,2m^2 nhập với phần đất 25.106,5m^2 chị đang sử dụng và chia đều ra cho 09 người con của cụ Phan và cụ Lê. Án sơ thẩm xử đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi tài sản là quyền sử dụng đất đối với K và yêu cầu chia di sản thừa kế (46.498,3m^2 đất) của cụ ông Phan, cụ bà Lê. Buộc K giao trả phần đất 21.503,2m^2; Chị U được quản lý, sử dụng và sở hữu 46.498,3m^2 (21.391,7m^2 + 25.106,5m^2); Chị U có trách nhiệm giao cho chị H, chị L, anh C, chị Tr, anh I, chị P, hàng thừa

kế của Ng (gồm chị Th, anh K, chị Ph), hàng thừa kế của M (gồm anh Tr, cháu V, cháu D, cháu N) mỗi kỹ phần là 238.973.388đ.

Như vậy, án sơ thẩm đã giải quyết hai yêu cầu của nguyên đơn đó là: Đòi lại tài sản là di sản thừa kế của cụ Phan - cụ Lê để lại mà K đang quản lý, sử dụng và phân chia di sản thừa kế của hai cụ. Song, yêu cầu chia di sản thừa kế thì cấp sơ thẩm không cho các nguyên đơn làm thủ tục khởi kiện bổ sung và thực hiện các thủ tục thụ lý theo quy định của luật tố tụng, nhưng khi giải quyết thì cấp sơ thẩm xem xét giải quyết luôn yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn. Tại phiên tòa, K cho rằng, việc anh rút yêu cầu đối với việc chia thừa kế di sản cụ Phan - cụ Lê là do anh chỉ nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa về việc nguyen đơn đòi lại tài sản chứ Tòa án không có Thông báo thụ lý về việc chia di sản thừa kế. Đây là vi phạm nghiêm trọng tố tụng về giải quyết vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu của các nguyên đơn.

[3] Đối với phần quyết định người phải có nghĩa vụ giao 21.503,2m^2 đất cho nguyên đơn: Án sơ thẩm chỉ buộc K mà không buộc Th và Ph cùng có nghĩa vụ giao là thiếu sót. Bởi lẽ: K và chị Th cho rằng phần đất này cụ Phan và cụ Lê đã cho chị Th và anh Ng, K chỉ là người được chị Th giao cho sử dụng. Chị Th cho rằng đất đó cụ Phan và cụ Lê đã cho vợ chồng chị nên có tranh chấp xảy ra giữa các nguyên đơn với K và chị Th. Do đó, phải buộc chị Th, anh K, chị Ph phải có nghĩa vụ giao trả, nhưng cấp sơ thẩm chỉ buộc K là chưa đầy đủ, sẽ khó khăn cho việc thi hành bản án.

[4] Đối với phần đất 95,7m^2 thuộc trong phần đất 21.503,2m^2, phần đất 95,7m^2 là khuôn viên nhà K đang cư trú. Án sơ thẩm nhận định 95,7m^2 đất này chị Út đồng ý cho K và án sơ thẩm quyết định K được toàn quyền sử dụng phần đất trên nhưng không thể hiện rỏ vị trí, số đo các cạnh tiếp giáp nên sẽ khó khăn cho việc thi hành bản án.

[5] Đối với phần án phí: Án sơ thẩm buộc các đương sự phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần di sản được hưỡng và nghĩa vụ phải thực hiện nhưng chỉ ghi chung một số tiền phải chịu mà không phân định số tiền án phí đối với tài sản được hưỡng là bao nhiêu, phần án phí đối với nghĩa vụ phải thực hiện là bao nhiêu? Mặc khác, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải giao trả lại đất nhưng lại không buộc bị đơn phải chịu án phí.

Từ những vi phạm trên, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên phải huỷ bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ vụ án về cho Toà án nhân dân huyện Năm Căn giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Do huỷ án sơ thẩm nên những yêu cầu kháng cáo của anh K cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

[6] Án phí: Do Huỷ án sơ thẩm nên K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310; khoản 3 Điều 148 – Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 29 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử: - Huỷ bản án dân sự sơ thẩm số 24/2018/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn; chuyển hồ sơ vụ án về cho Toà án nhân dân huyện Năm Căn giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Án phí dân sự: K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKS ND tỉnh Cà Mau;
- TAND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Xuân Miễn